

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Phương.

Ông Tô Văn Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2022/QĐ-ST ngày 28/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị C, sinh ngày 10/4/1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**2. Bị đơn:** Anh Hoàng Văn S, sinh ngày 14/12/1988 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn Nội To, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh S tại Việt Nam: thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Hoàng Văn S được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 05/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện

L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh S làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2018 anh, chị bàn bạc để anh S đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa hòa thuận, vẫn gọi điện thăm hỏi nhau thường xuyên. Tuy nhiên, do vợ chồng xa nhau lâu ngày nên việc hỏi thăm thưa dần và sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên từ cuối năm 2018 không còn liên lạc với nhau nữa. Trong thời gian mâu thuẫn chị và anh S đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Kể từ cuối năm 2018 đến nay chị và anh S không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là cháu Hoàng Vũ Bảo L, sinh ngày 26/02/2014. Hiện nay cháu L đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Hoàng Văn S là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Tại biên bản xác minh ngày 11/11/2022 bà Đỗ Thị V là công chức văn hóa xã hội xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang cung cấp ông Hoàng Văn T, sinh năm 1952 là bố đẻ anh S thuộc đối tượng bảo trợ xã hội “Người khuyết tật nặng, là người cao tuổi” Dạng khuyết tật: thần kinh tâm thần. Vợ ông T đã chết, ông T đang sinh sống cùng con trai là Hoàng Văn C. Do đó, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Hoàng Văn C là anh trai anh S. Anh Hoàng Văn C cho biết gia đình anh có 05 anh em, 02 nam, 03 nữ. Anh là con trai cả, anh S là con trai út, các chị, em gái đều đã lấy chồng. Tại biên bản làm việc ngày 18/11/2022 và 28/11/2022, anh Hoàng Văn C là anh trai anh S cung cấp anh S hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh S vẫn chung hộ khẩu thường trú với anh. Về hôn nhân của anh S, chị C anh cho biết: Anh S, chị C được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị C về làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Chung sống cùng một thời gian thì anh S, chị C cùng về Thái Nguyên làm ăn nhưng do làm ăn thua lỗ nên anh S, chị C cùng đi Đài Loan lao động. Sau khi sang Đài Loan lao động một thời gian thì anh S, chị C phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh không rõ. Hiện nay chị C đã về nước sinh sống nhưng không về gia đình anh sinh sống mà về Thái Nguyên sinh sống. Anh S, chị C có 01 con chung là cháu Hoàng Vũ Bảo L, sinh ngày 26/02/2014. Hiện nay cháu L đang sinh sống cùng chị C tại Thái Nguyên. Tài sản, công nợ của anh S, chị C chung anh không rõ. Anh C cho biết anh S vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh S không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh S tại Đài Loan.

*Cháu Hoàng Vũ Bảo L, sinh ngày 26/02/2014 trình bày:* Cháu hiện đang ở cùng mẹ, được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt vì vậy nêu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin ở cùng với mẹ.

*Tại phiên tòa,* chị Vũ Thị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Vũ Thị C; Biên bản làm việc với anh trai của anh Hoàng Văn S và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị C.

Xử cho chị Vũ Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn S.

Về con chung: Do anh S hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Vũ Bảo L, sinh ngày 26/02/2014 cho chị Vũ Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị C khởi kiện xin ly hôn anh S và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị C khởi kiện xin ly hôn anh S, anh S hiện đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Sau khi thụ lý theo yêu cầu của chị C Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có công văn hỏi Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp về việc anh S xuất cảnh ra nước ngoài. Theo Công văn trả lời số: 23742/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 09/11/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh S xuất cảnh gần nhất ngày 01/10/2017, hiện chưa có thông tin nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định anh S hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Mặt khác, anh S là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: chị Vũ Thị C là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Vũ Thị C.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, anh C là anh trai anh S, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh S trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh S thông qua anh C và đề nghị anh C thông báo cho anh S biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Vũ Thị C và bị đơn là anh Hoàng Văn S. Anh C cho biết anh S vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh S không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh S tại Đài Loan. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị C và anh Hoàng Văn S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn S.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị C với anh Hoàng Văn S. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị C và anh S chung sống với nhau hòa thuận sau đó cùng đi lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên, sau khi sang Đài Loan một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh S, chị C không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều

53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C với anh S, xử cho chị C được ly hôn anh S là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

[5]. Về nuôi con chung: Chị C và anh S có 01 con chung là cháu Hoàng Vũ Bảo L, sinh ngày 26/02/2014. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị C và do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị C đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị C: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh S đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi anh S đi lao động nước ngoài cháu L vẫn do chị C nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện nay chị C vẫn là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L, cháu L phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Ngoài ra, cháu L trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị C đề nghị giao con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung.

Sau khi ly hôn anh Hoàng Văn S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Hoàng Văn S về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Vũ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Chị Vũ Thị C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Hoàng Văn S hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp

lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn S.

**2.** Về nuôi con chung: Giao con chung là Hoàng Vũ Bảo L, sinh ngày 26/02/2014 cho chị Vũ Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

**3.** Về án phí: Chị Vũ Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000686 ngày 02/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Vũ Thị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo bản án: Chị Vũ Thị C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Hoàng Văn S hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**



